Chi tiết mã HS 3827.11.90

Mã HS	3827.11.90
Mô tả hàng hóa	Các hỗn hợp chứa các dẫn xuất đã halogen hóa của metan, etan hoặc propan, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Chứa chlorofluorocarbons (CFCs), chứa hoặc không chứa hydrochlorofluorocarbons (HCFCs), perfluorocarbons (PFCs) hoặc hydrofluorocarbons (HFCs); chứa hydrobromofluorocarbons (HBFCs); chứa carbon tetrachloride; chứa 1,1,1-trichloroethane (methyl chloroform): / - - Chứa chlorofluorocarbons (CFCs), chứa hoặc không chứa hydrochlorofluorocarbons (HCFCs), perfluorocarbons (PFCs) hoặc hydrofluorocarbons (HFCs): / - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 14:07:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38271190/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5556
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5556
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5556
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường	MT	Chịu thuế BVMT – xem biểu	579/2018/UBTVQH14	2018-09-26	BT2026!CV5556
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA	0	0%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP5556
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	0	0%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS5556

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5427
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5388
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5388
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5388
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5388
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5388
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5388
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5432
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5432
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5432
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5432

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5432
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5432
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5430
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5430
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5430
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5430
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5430
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5430
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5432
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5394
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5390
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5390
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5390
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5390
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5390
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5390
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5399
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5399
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5399
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5399
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5399
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5399
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5440
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5440
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5440
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5440

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5440
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5440
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5441
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5441
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5441
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5441
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5441
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5441
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5444
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5444
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5444
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5444
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5444
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5444
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5413
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5413
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5413
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5413
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5413
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5413
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5415
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5415
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5415
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5415
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5415
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5415

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5413
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5413
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5413
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5413
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5413
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5413
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5413
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5434
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5434
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5434
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5434
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5434
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5434
RCEP B	2022	2022	0	B!D5434
RCEP B	2023	2023	0	B!E5434
RCEP B	2024	2024	0	B!F5434
RCEP B	2025	2025	0	B!G5434
RCEP B	2026	2026	0	B!H5434
RCEP B	2027	2027	0	B!I5434
RCEP C	2022	2022	0	C!D5434
RCEP C	2023	2023	0	C!E5434
RCEP C	2024	2024	0	C!F5434
RCEP C	2025	2025	0	C!G5434
RCEP C	2026	2026	0	C!H5434
RCEP C	2027	2027	0	C!I5434
RCEP D	2022	2022	0	D!D5434

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E5434
RCEP D	2024	2024	0	D!F5434
RCEP D	2025	2025	0	D!G5434
RCEP D	2026	2026	0	D!H5434
RCEP D	2027	2027	0	D!I5434
RCEP E	2022	2022	0	E!D5437
RCEP E	2023	2023	0	E!E5437
RCEP E	2024	2024	0	E!F5437
RCEP E	2025	2025	0	E!G5437
RCEP E	2026	2026	0	E!H5437
RCEP E	2027	2027	0	E!I5437
RCEP F	2022	2022	0	F!D5434
RCEP F	2023	2023	0	F!E5434
RCEP F	2024	2024	0	F!F5434
RCEP F	2025	2025	0	F!G5434
RCEP F	2026	2026	0	F!H5434
RCEP F	2027	2027	0	F!I5434
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5000
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5000
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5000
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5000

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3827.11 có 2 dòng thuế; dòng 3827.11.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3827.11.10 Dầu dùng cho máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng) và bộ phận ngắt mạch, có hàm lượng nhỏ hơn 70% tính theo trọng lượng là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 3827.11.90 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 3827.11.90	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-003	YELLOW	Chịu thuế bảo vệ môi trường	Cột BVMT ghi “MT” – thuế tuyệt đối theo đơn vị hàng hóa.		109/2025/UBTVQH15	Tra mức thuế theo biểu BVMT 2026 và nhập số lượng để tính.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3827.11.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3827.11.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5556), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.